|  |  |
| --- | --- |
| Name | Quản lý nhân viên |
| Code |  |
| Short description | UC cho phép quản lý hệ thống thực hiện các hoạt động quản lý liên quan đến nhân viên, bao gồm tạo tài khoản, phân chia bộ phận, thống kê ca làm việc, đánh giá và cập nhật thông tin nhân viên |
| Actor | Hệ thống quản lý chính |
| Trigger | Actor vào mục quản lý nhân viên |
| Pre-condition | Dữ liệu nhân viên và các thông tin liên quan đã được nhập và cập nhật đầy đủ trong hệ thống. |
| Post-condition | Hiển thị các chức năng về quản lý nhân viên |
| Standard process  (flow) | 1. Quản lý hệ thống truy cập chức năng "Quản Lý Nhân Viên". 2. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên và các thông tin liên quan. 3. Quản lý hệ thống có thể thực hiện các chức năng sau:   Tạo Tài Khoản Nhân Viên:  Phân Chia Bộ Phận Nhân Viên:  Thống Kê Ca Làm Việc  TÍnh lương  Đánh Giá Nhân Viên:   1. Hệ thống dẫn đến các trang chức năng   . |
| Alternative-process  (flow) | Nếu không có nhân viên nào trong danh sách hoặc không có thông tin liên quan, hệ thống sẽ thông báo rằng không có dữ liệu để hiển thị. |
| Error situations | Dữ liệu nhân viên và các thông tin liên quan chưa được nhập và cập nhật đầy đủ trong hệ thống. |
| System state in error situation | Hệ thống không thực hiện các chức năng quản lý nhân viên cho quản lý hệ thống. |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Tạo tài khoản cho nhân viên |
| Code |  |
| Short description | UC cho phép quản lý hệ thống tạo tài khoản cho nhân viên |
| Actor | Hệ thống quản lý chính |
| Trigger | Actor chọn chức năng “tạo mới tài khoản cho nhân viên” |
| Pre-condition | Quản lý hệ thống đã truy cập vào chức năng tạo tài khoản |
| Post-condition | Tài khoản mới đã được tạo thành công và thông tin đăng nhập đã được cung cấp cho nhân viên. |
| Standard process  (flow) | 1. Quản lý hệ thống truy cập chức năng "Tạo tài khoản cho nhân viên". 2. Hệ thống hiển thị một biểu mẫu hoặc giao diện để nhập thông tin của nhân viên mới. 3. Quản lý hệ thống điền đầy đủ thông tin cần thiết (tên, chức vụ, phòng ban, v.v.). 4. Quản lý hệ thống chỉ định quyền hạn cho tài khoản mới. 5. Hệ thống tạo tài khoản và cung cấp thông tin đăng nhập cho nhân viên mới. 6. Quản lý hệ thống nhận thông báo xác nhận tạo tài khoản thành công. 7. Hệ thống gửi thông báo đã tạo tài khoản thành công |
| Alternative-process  (flow) | 6’. Hệ thống thông báo thông tin nhập vào không hợp lệ  7’. Hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại thông tin |
| Error situations | Thông tin nhập vào không hợp lệ |
| System state in error situation | Actor không tạo tài khoản được cho nhân viên |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Phân chia bộ phận nhân viên |
| Code |  |
| Short description | cho phép người quản lý hệ thống phân chia nhân viên vào các bộ phận khác nhau trong tổ chức. |
| Actor | Hệ thống quản lý chính |
| Trigger | Actor chọn chức năng “phân chia bộ phận của nhân viên” |
| Pre-condition | Actor đã tạo tài khoản cho nhân viên |
| Post-condition | Nhân viên đã được phân chia vào các bộ phận tương ứng. |
| Standard process  (flow) | 1. Quản lý hệ thống truy cập chức năng "Phân chia Bộ phận Nhân viên". 2. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên và bộ phận hiện tại của họ. 3. Quản lý hệ thống chọn một hoặc nhiều nhân viên cần phân chia. 4. Quản lý hệ thống chọn bộ phận mới hoặc hiện tại để phân chia nhân viên vào. 5. Hệ thống cập nhật thông tin về bộ phận của nhân viên dựa trên lựa chọn của quản lý. 6. Quản lý hệ thống nhận thông báo xác nhận việc phân chia thành công. |
| Alternative-process  (flow) | 6’. Hệ thống thông báo chưa có nhân viên nào được chọn hoặc đã chọn nhân viên đã có bộ phận riêng  6’’. Hệ thống yêu cầu chọn lại |
| Error situations | - Không có nhân viên nào dược chọn  - đã chọn nhân viên có bộ phận riêng |
| System state in error situation | -Actor không thể phân chia bộ phận cho nhân viên |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Thóng kê ca làm việc của nhân viên |
| Code |  |
| Short description | UC cho phép quản lý hệ thống thống kê thông tin về ca làm của nhân viên. |
| Actor | Hệ thống quản lý chính |
| Trigger | Actor chọn chức năng “Thống kê ca làm của nhân viên” |
| Pre-condition | Actor đã tạo tài khoản cho nhân viên và actor đã phân chia bộ phận cho nhân viên |
| Post-condition | Bảng thông tin thống kê ca làm của nhân viên được hiển thị |
| Standard process  (flow) | 1. Quản lý hệ thống truy cập chức năng "Thống Kê Ca Làm Nhân Viên". 2. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê với các bộ lọc và tùy chọn. 3. Quản lý hệ thống chọn bộ lọc cho thời gian cần thống kê và chọn nhân viên cụ thể nếu cần. 4. Hệ thống hiển thị thông tin thống kê về ca làm của nhân viên dựa trên lựa chọn của quản lý. |
| Alternative-process  (flow) | 4’. Hệ thống không thể hiển thị thông tin vì thiếu dữ liệu  4’’. Hệ thống báo lỗi dữ liệu |
| Error situations | 1. Dữ liệu ca làm việc của nhân viên chưa được nhập và cập nhật đầy đủ trong hệ thống. |
| System state in error situation | Hệ thống không hiển thị bảng thống kê ca làm của nhân viên |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Tính lương cho nhân viên |
| Code |  |
| Short description | UC cho phép quản lý hệ thống tính lương cho nhân viên. |
| Actor | Hệ thống quản lý chính |
| Trigger | Actor chọn chức năng “Tính lương cho nhân viên” |
| Pre-condition | Đã thống kê ca làm của nhân viên |
| Post-condition | Thông tin về lương của nhân viên được cập nhật trong hệ thống. |
| Standard process  (flow) | 1. Quản lý hệ thống truy cập chức năng "Tính Lương Cho Nhân Viên". 2. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên và thông tin liên quan đến lương của họ. 3. Quản lý hệ thống chọn nhân viên cần tính lương. 4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về ca làm việc, chế độ lương và các khoản phụ cấp của nhân viên. 5. Quản lý hệ thống nhập các thông số cần thiết cho việc tính lương (ví dụ: số giờ làm, số ngày nghỉ, các khoản phụ cấp). 6. Hệ thống tính toán lương dựa trên thông tin nhập và các quy tắc tính lương được đặt ra. 7. Hệ thống cập nhật thông tin về lương của nhân viên trong hệ thống. 8. Quản lý hệ thống nhận thông báo xác nhận việc tính lương thành công. |
| Alternative-process  (flow) | 7’. Hệ thống thông báo không thể tính được vì không có thông tin ca làm của nhân viên  8’ Hệ thống hiển thị thông báo cần cập nhật thông tin ca làm của nhân viên |
| Error situations | Không thể kết nối sever |
| System state in error situation | Hệ thống không thực hiện chức năng tính lương cho nhân viên. |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Đánh giá nhân viên |
| Code |  |
| Short description | UC cho phép quản lý hệ thống đánh giá hiệu suất của nhân viên. |
| Actor | Hệ thống quản lý chính |
| Trigger | Actor chọn chức năng “Đánh giá nhân viên” |
| Pre-condition | Đã có thống kê về hiệu suất và công việc của nhân viên |
| Post-condition | Thông tin về đánh giá của actor được lưu trữ lên hệ thống |
| Standard process  (flow) | 1. Quản lý hệ thống truy cập chức năng "Đánh Giá Nhân Viên". 2. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên cần được đánh giá. 3. Quản lý hệ thống chọn nhân viên cần đánh giá. 4. Hệ thống hiển thị giao diện đánh giá với các tiêu chí cụ thể. 5. Quản lý hệ thống điền thông tin đánh giá và gán điểm cho nhân viên. 6. Actor ấn nút xác nhận để lưu trữ bài đánh giá 7. Hệ thống thông báo đánh giá thành công 8. Hệ thống lưu trữ thông tin đánh giá trong hệ thống. |
| Alternative-process  (flow) | 7’. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi vì không đánh giá đầy đủ thông tin  8’. Hệ thống yêu cầu đánh giá lại |
| Error situations | Không thể truy xuất dữ liệu của nhân viên |
| System state in error situation | Actor không thể đánh giá nhân viên vì không đủ dữ kiện |

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Thống kê doanh thu |
| Code |  |
| Short description | UC cho phép quản lý hệ thống thống kê thông tin doanh thu |
| Actor | Hệ thống quản lý chính |
| Trigger | Actor chọn chức năng “Thống kê doanh thu” |
| Pre-condition | Những dữ liệu doanh thu đã được cập nhật lên hệ thống |
| Post-condition | Tất cả thông tin về doanh thu được hiển thị |
| Standard process  (flow) | 1. Quản lý hệ thống truy cập chức năng "Thống Kê Doanh Thu". 2. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê với các bộ lọc và tùy chọn. 3. Quản lý hệ thống chọn bộ lọc thống kê 4. Hệ thống hiển thị thông tin thống kê về doanh thu dựa trên lựa chọn của quản lý. |
| Alternative-process  (flow) | 4’. Hệ thống thông báo không có dữ liệu |
| Error situations | Dữ liệu doanh thu bị thiếu |
| System state in error situation | Actor không thể xem được dữ liệu ở một phần nào đó |